

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**  
\*\*\*\*\*

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG TRUNG QUỐC**  
**KHOÁ 15**

**Tên chương trình** : Sư phạm Tiếng Trung Quốc  
**Trình độ đào tạo** : Đại học (Cử nhân)  
**Ngành đào tạo** : Sư phạm Tiếng Trung Quốc  
(Chinese Language Teacher Education)  
**Mã ngành** : 7140234  
**Hình thức đào tạo** : Chính quy

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Chữ viết đầy đủ</b>
1	CĐR	Chuẩn đầu ra
2	CTĐT	Chương trình đào tạo
3	TC	Tín chỉ

## MỤC LỤC

<b>A. GIỚI THIỆU CHUNG .....</b>	<b>1</b>
<b>I. Thông tin chung về CTĐT .....</b>	<b>1</b>
<b>II. Tầm nhìn - Sứ mạng - Chính sách chất lượng - Triết lý giáo dục - Giá trị văn hoá cốt lõi.....</b>	<b>2</b>
2.1. Tầm nhìn - 2030 .....	2
2.2. Sứ mạng - 2025.....	2
2.3. Chính sách đảm bảo chất lượng giai đoạn 2021-2025 .....	2
2.4. Triết lý giáo dục.....	3
<b>B. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>3</b>
<b>I. Mục tiêu đào tạo.....</b>	<b>3</b>
1.1. Mục tiêu chung .....	3
1.2. Mục tiêu cụ thể .....	3
1.2.1. Kiến thức.....	3
1.2.2. Kỹ năng.....	4
1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm.....	4
1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.....	4
<b>II. Chuẩn đầu ra .....</b>	<b>4</b>
2.1. Kiến thức .....	4
2.2. Kỹ năng.....	5
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm.....	5
<b>III. Nội dung chương trình đào tạo.....</b>	<b>5</b>
<b>IV. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT.....</b>	<b>9</b>
<b>V. Tiến trình đào tạo .....</b>	<b>13</b>
<b>VI. Nội dung các học phần.....</b>	<b>15</b>
6.1. Mô tả các học phần.....	15
6.2. Đề cương chi tiết học phần (có phụ lục kèm theo).....	27

## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 349/QĐ-ĐHSD, ngày 15 tháng 7 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)

### A. GIỚI THIỆU CHUNG

#### I. Thông tin chung về CTĐT

- Tên CTĐT: Sư phạm Tiếng Trung Quốc (Chinese language)
- Mã ngành đào tạo: 7140234
- Trường cấp bằng: Trường Đại học Sao Đỏ
- Thông tin chứng nhận kiểm định chất lượng: Trường Đại học Sao Đỏ được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C) công nhận Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Tên gọi văn bằng: Cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Trung Quốc
- Trình độ đào tạo: Đại học (Cử nhân)
- Số tín chỉ yêu cầu: 141 tín chỉ (tính cả học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh).
- Khoa quản lý: Khoa Du lịch và Ngoại ngữ
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Thang điểm đánh giá: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ.
- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.
- Học tập nâng cao trình độ: Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ trong quá trình công tác và tiếp tục theo học các CTĐT trình độ cao hơn: thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành về lĩnh vực giáo dục đào tạo, sư phạm Tiếng Trung Quốc.
- Chương trình tham khảo:
  - Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam (2022), Chương trình đào tạo ngành *Sư phạm Tiếng Trung Quốc*.
  - Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam (2022), Chương trình đào tạo ngành *Sư phạm Tiếng Trung Quốc*.

[3]. Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên, Việt Nam (2022), Chương trình đào tạo ngành *Sư phạm Tiếng Trung Quốc*.

[4]. Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng (2022), Chương trình đào tạo ngành *Sư phạm Tiếng Trung Quốc*.

[5]. Đại học sư phạm Hồ Nam, Trung Quốc (2022), Chương trình đào tạo ngành *Giáo dục Tiếng Hán Quốc tế*.

[6]. Đại học Sư phạm Sơn Đông, Trung Quốc (2022), Chương trình đào tạo ngành *Giáo dục Tiếng Hán Quốc tế*.

16. Thời điểm cập nhật: Tháng 6 năm 2024.

## **II. Tầm nhìn - Sứ mạng - Chính sách chất lượng - Triết lý giáo dục - Giá trị văn hoá cốt lõi**

### **2.1. Tầm nhìn - 2030**

Phát triển Nhà trường theo định hướng đại học ứng dụng. Ưu tiên đầu tư trọng tâm, trọng điểm các ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường thành ngành mũi nhọn. **Đẩy mạnh hoạt động: Sáng tạo khoa học kỹ thuật - Nâng cao năng lực thực hành - Ứng dụng chuyên gia công nghệ phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư.**

### **2.2. Sứ mạng - 2025**

Đào tạo gắn với nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Học đi đôi với hành, lý thuyết gắn với thực tế, Nhà trường gắn với doanh nghiệp. Sinh viên ra trường có sức khỏe; năng lực và kỹ năng toàn diện; tự tin, sáng tạo; có việc làm thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến.

### **2.3. Chính sách đảm bảo chất lượng giai đoạn 2021-2025**

2.3.1. Thực hiện thành công sứ mạng của Nhà trường trên nền tảng: sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo, thu nhập ổn định ở từng vị trí làm việc, có khả năng phát triển bản thân.

2.3.2. Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tác phong; phát huy tính tích cực, trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị với mục tiêu: “hướng tới người học, vì người học”. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy theo quan điểm: “lấy kiến thức cơ bản làm nền tảng, kiến thức mở rộng là cần thiết, kiến thức ứng dụng là quan trọng” đáp ứng chuẩn đầu ra.

2.3.3. Xây dựng đề án mở ngành học mới theo nhu cầu xã hội và định hướng phát triển Nhà trường. Đầu tư trang thiết bị hiện đại, đẩy mạnh hoạt động sáng tạo khoa học kỹ thuật - nâng cao năng lực thực hành - ứng dụng chuyên gia công nghệ phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư để Nhà trường không chỉ là nơi phổ biến tri thức, dạy sinh viên cách tiếp cận công nghệ mà là nơi tạo ra tri thức, tạo ra công nghệ.

2.3.4. Nâng cao năng lực quản trị đại học; tăng cường công tác kiểm tra giám sát, ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện thông minh hóa trong công tác quản lý cán bộ, quản lý sinh viên, quản lý một số hoạt động đào tạo, quản lý công việc theo kết quả đầu ra; từng bước xây dựng trường học thông minh góp phần xây dựng thành phố thông minh.

2.3.5. Duy trì vận hành hệ thống quản lý chất lượng (Quality Management Systems - QMS) theo TCVN ISO 9001:2015; tiếp tục thực hiện tự đánh giá chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo trình độ đại học; tái kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào năm 2023.

#### **2.4. Triết lý giáo dục**

Chất lượng toàn diện - Hợp tác sâu rộng - Phát triển bền vững.

#### **2.5. Giá trị văn hoá cốt lõi**

Thực học - Thực hành - Thực chung - Thực tâm - Thực nghiệp - Thực tiến.

## **B. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **I. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân Sư phạm Tiếng Trung Quốc có phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng; có sức khỏe; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và ngôn ngữ; có kiến thức toàn diện về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm để làm việc trong môi trường giáo dục, giảng dạy hiệu quả tiếng Trung Quốc; có khả năng tự học và sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp; có kỹ năng làm việc hiệu quả, thích ứng với các điều kiện làm việc; có trách nhiệm với bản thân, xã hội.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **1.2.1. Kiến thức**

##### *1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương*

*1.2.1.1a.* Có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

*1.2.1.1b.* Có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có khả năng giải quyết tốt các công việc thuộc ngành nghề chuyên môn, đáp ứng những nhu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.

*1.2.1.1c.* Có kiến thức tin học và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc của ngành.

*1.2.1.1d.* Có kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

##### *1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và nghiệp vụ sư phạm*

*1.2.1.2a.* Có kiến thức chuyên sâu về thực hành tiếng Trung Quốc và sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc tối thiểu ở bậc 5 của khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam để giảng dạy được ở các bậc học và thực hiện các hoạt động chuyên môn trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

*1.2.1.2b.* Có kiến thức cơ bản về phương diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn hóa Trung Quốc.

*1.2.1.2c.* Có kiến thức cơ bản về chuyên ngành sư phạm, tâm lý, giáo dục, phương pháp giảng dạy và kỹ thuật giảng dạy tiếng Trung Quốc.

1.2.1.2d. Có kiến thức về tổ chức và quản lý hoạt động giáo dục.

### **1.2.2. Kỹ năng**

1.2.2.1. Vận dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ (năng lực ngoại ngữ tiếng Trung đạt bậc 5/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam).

1.2.2.2. Có năng lực tổ chức hoạt động dạy học, phương pháp dạy học; có năng lực phát triển chương trình đào tạo; có kỹ năng đánh giá và quản lý trong giáo dục.

1.2.2.3. Ứng dụng được phần mềm tin học và có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam để nghiên cứu các vấn đề chuyên môn, giao tiếp, ứng xử, giải quyết công việc với đồng nghiệp, với chuyên gia nước ngoài.

### **1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

1.2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

1.2.3.2. Có năng lực định hướng, lập kế hoạch, điều phối, quản lý, hướng dẫn, giám sát, đánh giá và đưa ra kết luận các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

### **1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân Sư phạm Tiếng Trung Quốc; đảm nhận được công việc ở các vị trí:

- Làm giáo viên dạy học chuyên ngành Tiếng Trung Quốc tại các trường THCS, THPT; giảng viên giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, các trường cao đẳng, đại học trên cả nước.

- Làm chuyên gia nghiên cứu ngôn ngữ tiếng Trung Quốc tại các cơ sở đào tạo và viện nghiên cứu, cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo trên cả nước.

- Làm biên phiên dịch hoặc cán bộ quản lý tại các đơn vị hợp tác quốc tế, các doanh nghiệp có sử dụng Tiếng Trung Quốc.

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Kiến thức**

2.1.1. Hiểu và vận dụng được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Vận dụng được các kiến thức trong các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn và ngoại ngữ tiếng Anh để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.3. Trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2.1.4. Vận dụng được kiến thức cơ bản về tâm lý học, giáo dục học vào giải quyết các vấn đề nghiệp vụ sư phạm và các kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành để xây dựng, triển khai, đánh giá trong giảng dạy tiếng Trung Quốc nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

2.1.5. Hiểu và diễn giải được các yếu tố văn hóa, đất nước và đặc điểm ngôn ngữ Trung Quốc để vận dụng trong phát triển chuyên môn, nghề nghiệp.

2.1.6. Vận dụng các kỹ năng của ngôn ngữ tiếng Trung Quốc trong giảng dạy, nghiên cứu và hướng dẫn người học.

## **2.2. Kỹ năng**

2.2.1. Thành thạo trong thực hiện các kỹ năng tiếng Trung Quốc (có năng lực ngoại ngữ tiếng Trung đạt bậc 5/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam).

2.2.2. Vận dụng linh hoạt các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp và trong giao tiếp.

2.2.3. Tổ chức, quản lý các hoạt động giảng dạy, xây dựng và thực hiện các kế hoạch, các hoạt động dạy học tiếng Trung Quốc.

2.2.4. Linh hoạt, sáng tạo các phương pháp và hình thức dạy học, tổ chức được hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả của người học.

2.2.5. Tư duy, lập luận và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực giảng dạy, đưa ra các giải pháp và đưa đề xuất, kiến nghị.

2.2.6. Năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

## **2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

2.3.1. Có sức khỏe, năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, tự chịu trách nhiệm trước bản thân, nhóm. Có khả năng thích ứng với mọi sự thay đổi của môi trường công việc.

2.3.2. Thể hiện đạo đức nhà giáo, yêu nghề dạy học và có lý tưởng nghề nghiệp, tác phong nhà giáo chuẩn mực. Có ý thức vươn lên trong học tập và công tác, tu dưỡng hoàn thiện bản thân, trau dồi phẩm chất, đạo đức nhà giáo.

2.3.3. Có năng lực giảng dạy, nghiên cứu trong lĩnh vực sư phạm Tiếng Trung Quốc và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được nhà trường giao trên tinh thần tự giác, tự chủ, đảm bảo chất lượng công việc với khả năng cao nhất.

## **III. Nội dung chương trình đào tạo**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
<b>3.1</b>		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>45</b>	<b>32</b>	<b>13</b>
<b>3.1.1</b>		<b>Lý luận chính trị</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>0</b>
1.	CTRI 004	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0
3.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0



STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
5.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
<b>3.1.2</b>		<b>Khoa học xã hội - nhân văn</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>
<b>3.1.2.1</b>		<b>Phần bắt buộc</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>
6.	VNH 043	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0
7.	KHXH 014	Từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	2	2	0
8.	VNH 001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0
9.	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2	2	0
<b>3.1.2.2</b>		<b>Phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần sau)</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>
10.	KHXH 017	Môi trường và phát triển	2	2	0
11.	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
<b>3.1.3</b>		<b>Tiếng Anh</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>
12.	TANH 029	Tiếng Anh căn bản 1	2	2	0
13.	TANH 030	Tiếng Anh căn bản 2	3	3	0
14.	TANH 031	Tiếng Anh căn bản 3	3	3	0
<b>3.1.4</b>		<b>Tin học</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
15.	SP 006	Tin học đại cương	2	1	1
<b>3.1.5</b>		<b>Kỹ năng mềm</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
16.	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	3	2	1
<b>3.1.6</b>		<b>Giáo dục thể chất</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>3</b>
17.	GDTC 001	Giáo dục thể chất 1	1	0	1
18.	GDTC 002	Giáo dục thể chất 2	1	0	1
19.	GDTC 003	Giáo dục thể chất 3	1	0	1
<b>3.1.7</b>		<b>Giáo dục quốc phòng và an ninh</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>8</b>
20.	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8	0	8
<b>3.2</b>		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>96</b>	<b>63</b>	<b>33</b>
<b>3.2.1</b>		<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>62</b>	<b>49</b>	<b>13</b>
21.	SP 001	Giáo dục học	2	2	0
22.	KHXH 010	Tâm lý học đại cương	2	2	0
23.	SP 005	Ứng dụng công nghệ trong dạy học	3	2	1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
24.	NNTQ 007	Đất nước học Trung Quốc	2	2	0
25.	NNTQ 063	Văn học Trung Quốc	2	2	0
26.	SPTQ 001	Đôi chiếu ngôn ngữ Hán - Việt	3	3	0
27.	SPTQ 005	Tiếng Trung Quốc 1	4	4	0
28.	SPTQ 006	Tiếng Trung Quốc 2	4	4	0
29.	SPTQ 007	Tiếng Trung Quốc 3	4	4	0
30.	SPTQ 008	Tiếng Trung Quốc 4	4	4	0
31.	SPTQ 009	Tiếng Trung Quốc 5	4	4	0
32.	SPTQ 010	Tiếng Trung Quốc 6	4	4	0
33.	SPTQ 011	Kỹ năng nghe 1	2	2	0
34.	SPTQ 012	Kỹ năng nghe 2	2	0	2
35.	SPTQ 013	Kỹ năng nghe 3	2	0	2
36.	SPTQ 014	Kỹ năng nói 1	2	2	0
37.	SPTQ 015	Kỹ năng nói 2	2	0	2
38.	SPTQ 016	Kỹ năng nói 3	2	0	2
39.	SPTQ 017	Kỹ năng đọc hiểu 1	2	2	0
40.	SPTQ 018	Kỹ năng đọc hiểu 2	2	2	0
41.	SPTQ 019	Kỹ năng đọc hiểu 3	2	2	0
42.	SPTQ 020	Kỹ năng viết 1	2	2	0
43.	SPTQ 021	Kỹ năng viết 2	2	0	2
44.	SPTQ 022	Kỹ năng viết 3	2	0	2
<b>3.2.2</b>		<b>Kiến thức ngành</b>	<b>21</b>	<b>14</b>	<b>7</b>
45.	NNTQ 003	Ngữ âm và văn tự tiếng Trung Quốc	2	2	0
46.	NNTQ 008	Từ vựng tiếng Trung Quốc	3	3	0
47.	NNTQ 004	Ngữ pháp tiếng Trung Quốc	3	3	0
48.	SPTQ 024	Dịch nói	2	0	2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
49.	SPTQ 025	Dịch viết	2	0	2
50.	SPTQ 004	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc	2	2	0
51.	SP 004	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	2	1	1
52.	SPTQ 002	Kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Trung Quốc	2	1	1
53.	SPTQ 003	Thiết kế tài liệu giảng dạy tiếng Trung Quốc	3	2	1
<b>3.2.3</b>		<b>Thực tập sư phạm và khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>13</b>	<b>0</b>	<b>13</b>
<b>3.2.1.1</b>		<b>Thực tập sư phạm</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>7</b>
54.	SPTQ 401	Thực tập sư phạm 1	3	0	3
55.	SPTQ 402	Thực tập sư phạm 2	4	0	4
<b>3.2.3.2</b>	SPTQ 403	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b> <i>(hoặc học thêm 3 học phần chuyên môn sau)</i>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>6</b>
56.	SPTQ 023	Tiếng Trung thương mại	2	2	0
57.	NNTQ 064	Tiếng Trung du lịch	2	2	0
58.	NNTQ 043	Tiếng Trung khách sạn nhà hàng	2	2	0
		<b>Tổng (Tín chỉ)</b>	<b>141</b>	<b>95</b>	<b>46</b>

**VI. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT**

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo														
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm		
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3
1.	CTRI 004	Triết học Mác-Lênin	2								4				4		4
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2								4				4		4
3.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2								4				4		4
4.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2								4				4		4
5.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2								4				4		4
6.	VNH 043	Lịch sử văn minh thế giới		3			4								3	3	
7.	KHXH 014	Từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt		3						4					3	3	
8.	VNH 001	Cơ sở văn hóa Việt Nam		3			4			3					3	3	
9.	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2								4				4		4
10.	KHXH 017	Môi trường và phát triển		2								2			3	3	
11.	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học		2								2			3	3	
12.	TANH 029	Tiếng Anh căn bản 1		2									3	2	3		
13.	TANH 030	Tiếng Anh căn bản 2		2									3	2	3		
14.	TANH 031	Tiếng Anh căn bản 3		3									3	3	4		

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo														
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm		
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3
15.	SP 006	Tin học đại cương			2										3	3	
16.	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2								3				4		4
17.	GDTC 001	Giáo dục thể chất 1	2								3				4		
18.	GDTC 002	Giáo dục thể chất 2	2								3				4		
19.	GDTC 003	Giáo dục thể chất 3	2								3				4		
20.	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2								3				4		
21.	SP 001	Giáo dục học				2					3				3		4
22.	KHXX 010	Tâm lý học đại cương				2					3				3		4
23.	SP 005	Ứng dụng công nghệ trong dạy học			3	2	2		2		4	5			3	4	4
24.	NNTQ 007	Đất nước học Trung Quốc					4			4					4		
25.	NNTQ 063	Văn học Trung Quốc					4				4	5			4		5
26.	SPTQ 001	Đối chiếu ngôn ngữ Hán - Việt				4	4			3		5			4	4	
27.	SPTQ 005	Tiếng Trung Quốc 1						2	3				3		3	3	
28.	SPTQ 006	Tiếng Trung Quốc 2						2	3				3		3	3	

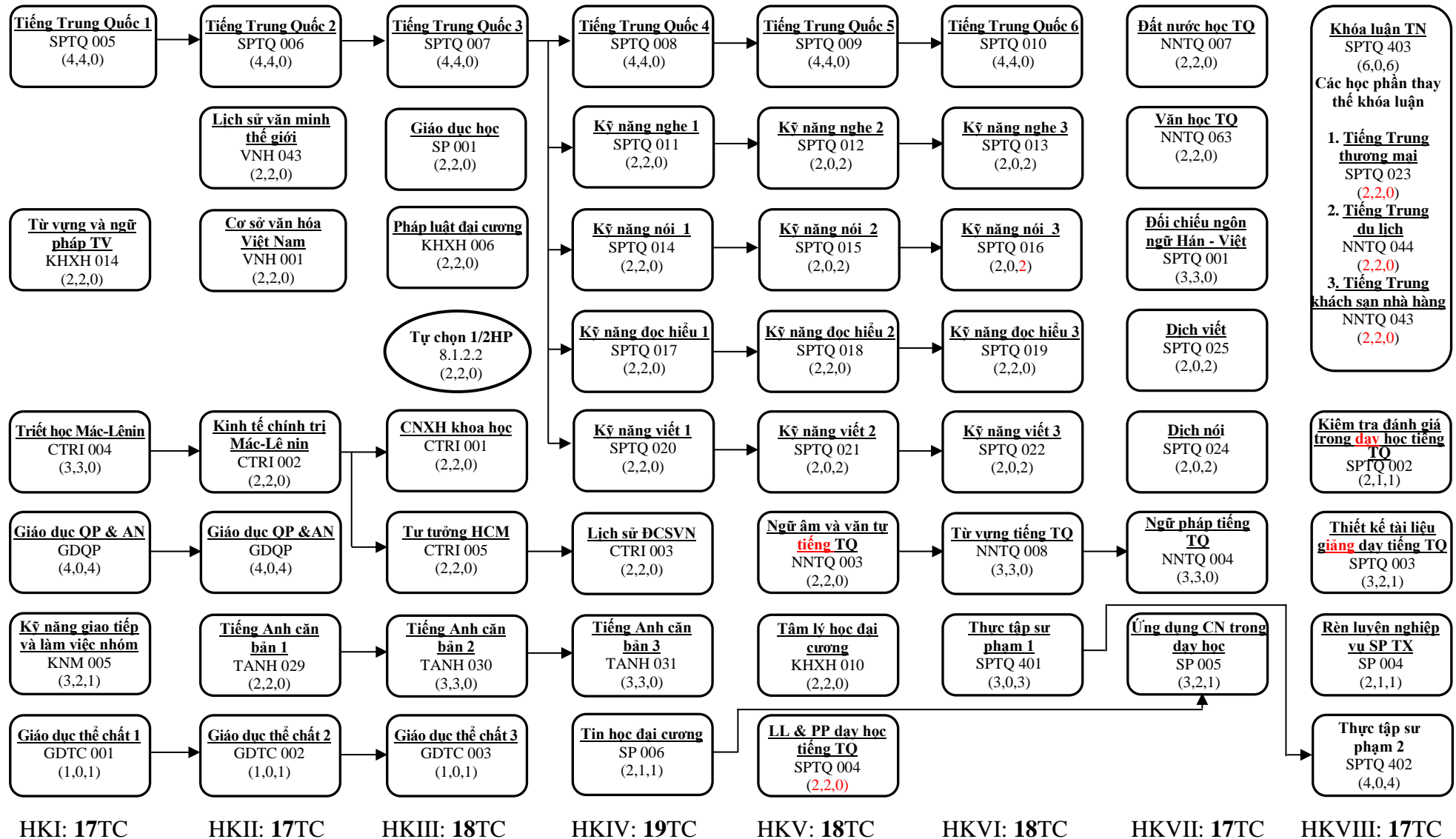
STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo														
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm		
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3
29.	SPTQ 007	Tiếng Trung Quốc 3						3	3				3		3	3	
30.	SPTQ 008	Tiếng Trung Quốc 4						3	3				3		3	3	
31.	SPTQ 009	Tiếng Trung Quốc 5						4	4				4		4	4	
32.	SPTQ 010	Tiếng Trung Quốc 6						4	4				4		4	4	
33.	SPTQ 011	Kỹ năng nghe 1						3	4						4		
34.	SPTQ 012	Kỹ năng nghe 2						3	4						4		
35.	SPTQ 013	Kỹ năng nghe 3						4	4						4		
36.	SPTQ 014	Kỹ năng nói 1						4	3			4			3		
37.	SPTQ 015	Kỹ năng nói 2					4	4	3			4			3		
38.	SPTQ 016	Kỹ năng nói 3					4		5				4		4		
39.	SPTQ 017	Kỹ năng đọc hiểu 1						4	4						4		
40.	SPTQ 018	Kỹ năng đọc hiểu 2						4	5						4		
41.	SPTQ 019	Kỹ năng đọc hiểu 3						4	5						4		
42.	SPTQ 020	Kỹ năng viết 1					3	4	4						4	4	

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo														
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm		
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3
43.	SPTQ 021	Kỹ năng viết 2					3	4	4						4	4	
44.	SPTQ 022	Kỹ năng viết 3					4	4	4						4	4	
45.	NNTQ 003	Ngữ âm và văn tự tiếng Trung Quốc						4		5					5		
46.	NNTQ 008	Từ vựng tiếng Trung Quốc					4	4		4	5				3		5
47.	NNTQ 004	Ngữ pháp tiếng Trung Quốc					4			5					4	4	
48.	SPTQ 024	Dịch nói					4	4	4						4	4	
49.	SPTQ 025	Dịch viết					3	4		4		4			3	4	
50.	SPTQ 004	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc				3	4				3	4	4		3	5	5
51.	SP 004	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên				4						5	4		3	3	
52.	SPTQ 002	Kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Trung Quốc				5						3	4		4		
53.	SPTQ 003	Thiết kế tài liệu giảng dạy tiếng Trung Quốc				5		4		3		4	5		3	5	5
54.	SPTQ 401	Thực tập sư phạm 1				5	3				4	4			4	4	
55.	SPTQ 402	Thực tập sư phạm 2				5				4		4			4	5	
56.	SPTQ 403	Khóa luận tốt nghiệp				5				4					4	4	

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo														
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm		
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3
57.	SPTQ 023	Tiếng Trung thương mại				4				4					4	4	
58.	NNTQ 064	Tiếng Trung du lịch					4					4	5		4		5
59.	NNTQ 043	Tiếng Trung khách sạn nhà hàng					4					4	5		4		5



## V. Tiến trình đào tạo



## **VI. Nội dung các học phần**

### **6.1. Mô tả các học phần**

#### **1. Triết học Mác-Lênin**

Học phần Triết học Mác - Lênin giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Triết học và vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng: Vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức; chủ nghĩa duy vật lịch sử: Vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn.

#### **2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin**

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

#### **3. Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Học phần Chủ nghĩa xã hội (CNXH) khoa học giới thiệu khái quát cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH, dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Giúp sinh viên nhận diện và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

#### **4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 - 1945; Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn đường lối lãnh đạo của Đảng, và khả năng vận dụng đường lối của Đảng vào tiến trong học tập, cuộc sống.

#### **5. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung, quan điểm cơ bản trong hệ thống tư tưởng của Người như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân

tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

### **6. Lịch sử văn minh thế giới**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về các nền văn minh lớn thời cổ - trung đại ở phương Đông, phương Tây và nền văn minh công nghiệp thời cận - hiện đại. Qua đó sinh viên có thể hiểu sâu hơn một số khái niệm liên quan đến học, phần nắm vững về cơ sở hình thành và những thành tựu nổi bật của một số trung tâm văn minh trên thế giới, tìm hiểu về phương pháp tiếp cận và nghiên cứu một nền văn minh, từ đó rút ra một số quy luật chung về quá trình hình thành và phát triển của văn minh nhân loại.

### **7. Từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt**

Học phần Từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt gồm 2 phần, phần một: “Từ vựng tiếng Việt” bao gồm: Đơn vị từ vựng và từ vựng tiếng Việt; nghĩa của từ; hệ thống vốn từ tiếng Việt. Phần hai: “Ngữ pháp tiếng Việt” bao gồm các nội dung về từ loại và cụm từ tiếng Việt; câu tiếng Việt (cấu tạo ngữ pháp, câu trong hoạt động giao tiếp).

### **8. Cơ sở văn hóa Việt Nam**

Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam: khái niệm văn hóa và những khái niệm liên quan đến văn hóa, tiến trình lịch sử phát triển của văn hóa Việt Nam, văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân và tập thể, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Qua đó, sinh viên có những kiến thức cơ bản làm nền tảng cho việc tiếp thu những kiến thức chuyên ngành, vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

### **9. Pháp luật đại cương**

Học phần Pháp luật đại cương giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung cũng như Nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Hiến pháp Việt Nam, Luật hành chính, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Pháp luật về Luật lao động và Bảo hiểm xã hội, Pháp luật kinh doanh. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

### **10. Môi trường và phát triển**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề môi trường và sự phát triển, mối quan hệ giữa dân số với môi trường, các hoạt động phát triển đến môi trường. Học phần giới thiệu sự phát triển ảnh hưởng đến các tài nguyên. Mặt khác, học

phần cũng nêu vấn đề ô nhiễm môi trường và việc bảo vệ tài nguyên và môi trường trong sự phát triển nhằm đảm bảo quá trình phát triển bền vững.

### **11. Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản như khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học.

### **12. Tiếng Anh căn bản 1**

Học phần Tiếng Anh căn bản 1 đề cập đến những từ vựng cơ bản về các chủ đề: Nghề nghiệp, con người, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố các kiến thức ngữ pháp như: Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: Hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ và phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: Can, have got, there is/are, like... và một số loại cấu trúc câu hỏi.

### **13. Tiếng Anh căn bản 2**

Học phần Tiếng Anh căn bản 2 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: Cách sử dụng các thì cơ bản của tiếng Anh như hiện tại đơn, quá khứ đơn, tương lai, các cấu trúc ngữ pháp với giới từ, tính từ, trạng từ, ...
- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ và các từ loại khác theo những chủ đề khác nhau: Lễ hội, du lịch, văn hóa, môi trường, thể dục thể thao, ...
- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc hằng ngày, giao tiếp, ứng xử, ...

### **14. Tiếng Anh căn bản 3**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

*Ngữ pháp:* Các kiến thức ngữ pháp về thì: (Hiện tại, quá khứ, tương lai, các biện pháp so sánh, các dùng danh động từ và động từ nguyên thể, mệnh đề quan hệ, câu bị động và câu điều kiện...

*Từ vựng:* Cung cấp cho sinh viên từ loại về giao tiếp thường ngày, các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống của bạn : thể thao, công nghệ, thế giới tự nhiên, thư giãn...

*Kỹ năng:* Học phần luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề bài học.

### **15. Tin học đại cương**

Học phần Tin học đại cương trang bị cho người học các kiến thức cơ bản cách soạn thảo và trình bày văn bản; cách trình bày, tạo và xử lý dữ liệu bảng tính để giải quyết các bài toán trong thực tế.

Sau khi học xong học phần này, người học có thể sử dụng thành thạo máy tính trong các công việc như soạn thảo và trình bày văn bản, nhập và xử lý số liệu trên bảng

tính phục vụ công tác theo dõi, tính toán và thông kê, áp dụng các kiến thức này vào trong thực tế.

### **16. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm**

Học phần Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cung cấp những nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, các phương tiện và các kỹ năng giao tiếp như: Cách thức giao tiếp, các nguyên tắc trong giao tiếp; những khó khăn trong giao tiếp; các hình thức trong giao tiếp ứng xử trong nhà trường như: Giao tiếp, ứng xử với thầy cô, cán bộ, công nhân viên, ứng xử với khách đến liên hệ với trường; nội dung cơ bản về khái niệm, tầm quan trọng và các kỹ năng làm việc nhóm như: Cách thức và quy chế tổ chức nhóm, các nguyên tắc làm việc theo nhóm, quá trình làm việc theo nhóm, giải quyết vấn đề trong nhóm, đánh giá kết quả của nhóm; những khó khăn khi làm việc theo nhóm. Từ đó, sinh viên vận dụng trong quá trình học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.

### **17. Giáo dục thể chất 1**

Học phần Giáo dục thể chất 1, sinh viên được lựa chọn một trong các môn thể thao phù hợp với năng khiếu và cấu trúc giải phẫu của cơ thể để học tập, rèn luyện nhằm nâng cao sức khoẻ, thể lực:

- *Bóng đá 1*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Luật sân bãi, dụng cụ thi đấu; phân tích, thực hiện được kỹ thuật đá bóng bằng má trong bàn chân và một số bài tập bổ trợ phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn bóng đá.

- *Bóng chuyền hơi 1*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Luật sân bãi, dụng cụ thi đấu; phân tích, thực hiện được kỹ thuật chuyền bóng thấp tay và một số bài tập phát triển thể lực chung, thể lực chuyên môn của môn bóng chuyền hơi.

- *Khiêu vũ thể thao 1*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: khái niệm, lịch sử ra đời và phát triển môn khiêu vũ thể thao; phân loại khiêu vũ thể thao, các kỹ thuật cơ bản của vũ điệu Disco 9 bước và vũ điệu Chachacha, qua đó sinh viên hiểu được các luật khiêu vũ cơ bản và nhận biết các giai điệu trong khiêu vũ.

- *Golf 1*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, các quy định về sân bãi, dụng cụ thi đấu, luật thi đấu, một số kỹ thuật cơ bản của môn Golf: kỹ thuật cầm gậy, kỹ thuật cầm gậy đẩy. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Golf, giúp sinh viên phân tích và thực hành được những kỹ thuật cơ bản.

- *Pickleball 1*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Luật sân bãi, dụng cụ thi đấu; tư thế đứng và cách di chuyển, cách cầm vợt, kỹ thuật đánh bóng cơ bản trong môn Pickleball, một số bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Pickleball.

### **18. Giáo dục thể chất 2**

Học phần Giáo dục thể chất 2 là sự kế thừa và liên thông kỹ thuật của môn thể thao mà sinh viên đã lựa chọn ở học phần Giáo dục thể chất 1. Sang học phần Giáo dục

thể chất 2, sinh viên được học những kỹ thuật có độ khó cao hơn và hoàn thiện hơn về các tổ chất vận động cơ bản.

- *Bóng đá 2*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Luật ném biên và kỹ thuật ném biên; sinh viên được tập luyện những bài tập hỗ trợ phát triển thể lực chung và chuyên môn, nhằm phát triển hoàn thiện kỹ thuật cơ bản trong bóng đá của sinh viên

- *Bóng chuyền hơi 2*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ năng chuyền hai trong thi đấu, qua đó giúp sinh viên làm quen với hoạt động thi đấu trên sân, tăng cường thể lực thông qua tập luyện kỹ thuật.

- *Khiêu vũ thể thao 2*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về vũ điệu Disco 18 bước và vũ điệu Bachacha. Sinh viên tiếp cận các kỹ thuật nhảy Disco 18 bước và vũ điệu Bachacha qua các kiến thức và hệ thống bài luyện tập, thông qua đó giúp sinh viên nâng cao khả năng cảm thụ âm nhạc, phối hợp vũ đạo và âm nhạc.

- *Golf 2*: Nội dung của học phần 2 kế thừa và liên thông một số kỹ thuật cơ bản của học phần 1, phân tích và thực hiện được kỹ thuật vung gậy, kỹ thuật tiếp xúc bóng. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Golf.

- *Pickleball 2*: Nội dung của học phần kế thừa những kiến thức từ học phần GDTC 1, hoàn thiện các kỹ thuật thi đấu như kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật cắt bóng và kỹ thuật bỏ nhỏ trong môn Pickleball, một số bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Pickleball.

### **19. Giáo dục thể chất 3**

Học phần Giáo dục thể chất 3 là sự kế thừa và liên thông kỹ thuật môn thể thao mà sinh viên đã lựa chọn ở học phần Giáo dục thể chất 1 và 2. Sang học phần Giáo dục thể chất 3 sinh viên được học những kỹ thuật hoàn thiện hơn, được hướng dẫn phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và các em được thể hiện kỹ năng của bản thân thông qua hoạt động thi đấu giữa các đội tuyển, tổ nhóm.

- *Bóng đá 3*: Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: công tác trọng tài và phương pháp tổ chức thi đấu; phân tích, thực hiện được kỹ thuật dẫn bóng luôn cọc sút cầu môn và một số bài tập thi đấu để phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn bóng đá.

- *Bóng chuyền hơi 3*: Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: công tác trọng tài và phương pháp tổ chức thi đấu; kỹ thuật phát bóng; một số bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn bóng chuyền hơi, giúp sinh viên hoàn thiện kỹ thuật và tăng cường thể lực thông qua tập luyện.

- *Khiêu vũ thể thao 3*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Luật thi đấu môn khiêu vũ thể thao, tác dụng và các kỹ thuật cơ bản của vũ điệu Disco 24 bước và vũ điệu Beboop, thông qua đó giúp sinh viên có được cơ thể khỏe mạnh, một tinh thần phấn chấn, lạc quan, phát triển toàn diện.

- *Golf 3*: Nội dung của học phần 3 gồm những kiến thức cơ bản về: chiến thuật thi đấu; phương pháp tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài; một số bài tập phát triển

thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Golf, giúp sinh viên rèn tính kiên trì, trung thực, văn hóa ứng xử trên sân.

- *Pickleball 3*: Nội dung của học phần kế thừa những kiến thức từ học phần GDTC 2, hoàn thiện các kỹ thuật thi đấu như kỹ thuật đánh bóng trên không, kỹ thuật đánh bóng nửa nảy và kỹ thuật đập bóng trong môn Pickleball, một số bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Pickleball.

## **20. Giáo dục quốc phòng và an ninh**

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh bao gồm những kiến thức cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh, nghệ thuật quân sự Việt Nam. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân. Đội ngũ đơn vị, sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

## **21. Giáo dục học**

Học phần Giáo dục học giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về: giáo dục học là một khoa học; giáo dục và sự phát triển nhân cách; mục đích, nhiệm vụ và nội dung giáo dục; những vấn đề cơ bản trong lý luận dạy học; người giáo viên trong nhà trường phổ thông,... Trên cơ sở đó sinh viên liên hệ với thực tiễn dạy học và giáo dục trong nhà trường phổ thông, rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

## **22. Tâm lý học đại cương**

Học phần Tâm lý học đại cương giới thiệu cho sinh viên nội dung cơ bản về: những vấn đề khái quát về tâm lý học với tư cách là một khoa học; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức; hoạt động nhận thức; ngôn ngữ và nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và các thuộc tính tâm lý của nhân cách. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng phân tích và tổng hợp các tri thức tâm lý được học để nhận dạng các hiện tượng tâm lý cơ bản, kỹ năng làm việc nhóm và tự học, tự nghiên cứu tài liệu. Vận dụng các quy luật, cơ chế vận hành của tâm lý vào đời sống con người.

## **23. Ứng dụng công nghệ trong dạy học**

Ứng dụng công nghệ trong dạy học là học phần trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về ứng dụng công nghệ in – nhìn – chiếu rọi thông qua việc sử dụng phương tiện nhìn trực quan phẳng, phương tiện nhìn trực quan khối và phương tiện chiếu rọi; kiến thức và kỹ năng cơ bản về ứng dụng công nghệ multimedia trong dạy học thông qua việc thiết kế và sử dụng các slide trình chiếu cơ bản và nâng cao; đồng thời có sử dụng một số phần mềm chuyên ngành để phục vụ công nghệ mô phỏng, công nghệ chuẩn hóa; ngoài ra học phần còn cung cấp cho người học kiến thức khái quát về công nghệ e-learning và m-learning trong dạy học. Đây là học phần chuyên sâu về

sử dụng các thành tựu của khoa học công nghệ mà đặc biệt là công nghệ thông tin để thiết kế và sử dụng các phương tiện dạy học, chương trình máy tính hỗ trợ dạy học nhằm tăng tính trực quan trong quá trình tổ chức nhận thức và quản lý quá trình dạy học.

#### **24. Đất nước học Trung Quốc**

Học phần Đất nước học Trung Quốc gồm 14 bài. Mỗi bài một chủ đề gồm 2 phần lớn: Bài đọc, luyện tập. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát nhất về điều kiện tự nhiên, lịch sử, chính trị, khoa học, ngoại giao, dân số, dân tộc của đất nước Trung Quốc.

#### **25. Văn học Trung Quốc**

Học phần Văn học Trung Quốc gồm 12 bài, mỗi bài gồm phần tác giả, các tác phẩm tiêu biểu, chú thích và luyện tập ứng với từng giai đoạn của văn học cổ Trung Quốc từ thần thoại đến thơ văn đời Tần, Hán, Đường, Tống, Xuân thu chiến quốc... cho đến văn học hiện đại. Các tác phẩm tiêu biểu được trích dẫn trong giáo trình là những tác phẩm kinh điển và nổi tiếng nhất trong suốt tiến trình lịch sử văn học Trung Quốc.

#### **26. Đối chiếu ngôn ngữ Hán - Việt**

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học đối chiếu như định nghĩa và phân loại ngôn ngữ học đối chiếu. Cung cấp các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về đối chiếu ngôn ngữ tiếng Hán và tiếng Việt ở các phương diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và văn hóa ngôn ngữ của Trung Quốc và Việt Nam, qua đó thấy được điểm giống và khác nhau giữa hai ngôn ngữ cũng như tầm ảnh hưởng của tiếng Hán đối với tiếng Việt. Môn học gợi mở cho sinh viên nhiều hướng nghiên cứu về đối chiếu ngôn ngữ Hán-Việt, từ đó vận dụng vào học tập và công việc trong tương lai.

#### **27. Tiếng Trung Quốc 1**

Học phần Tiếng Trung Quốc 1 gồm 15 bài học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về ngữ âm và chữ Hán: Cách phát âm, cách viết các nét cơ bản, nét biến thể và quy tắc viết chữ Hán; các từ vựng và các cụm từ liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hằng ngày: Chào hỏi, hỏi thăm sức khỏe, họ tên, quốc tịch, địa chỉ, gia đình, học tập, mua đồ, đổi tiền, ẩm thực. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp tương ứng với nội dung từng bài trong học phần. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, giúp hình thành phản xạ giao tiếp các kỹ năng, nghe, nói, đọc, viết và dịch ở trình độ sơ cấp; củng cố vốn từ vựng, các cấu trúc câu tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

#### **28. Tiếng Trung Quốc 2**

Học phần Tiếng Trung Quốc 2 cung cấp các kiến thức về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp có liên quan để thực hiện được các chủ đề giao tiếp trong học phần như: Miêu tả hoạt động ở thư viện, hoạt động đang diễn ra, hoạt động hằng ngày, mua đồ, thời gian (ngày, tháng, năm, giờ), dự định, sở thích, miêu tả vị trí của người và vật, học tập. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp tương ứng với nội dung từng bài trong học phần. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, giúp hình thành phản xạ giao tiếp các kỹ năng,



nghe, nói, đọc, viết và dịch ở trình độ sơ cấp; củng cố vốn từ vựng, các cấu trúc câu tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

### **29. Tiếng Trung Quốc 3**

Học phần Tiếng Trung Quốc 3 gồm 12 bài học cung cấp các kiến thức về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp có liên quan để thực hiện được các chủ đề giao tiếp trong học phần như: Thuê nhà, thời tiết, âm nhạc, học tập, thi cử, sức khỏe, cuộc sống thành phố lớn, phong cảnh, đi du lịch, đi máy bay, trải nghiệm trong cuộc sống, dự định trong tương lai. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp tương ứng với nội dung từng bài trong học phần. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, giúp hình thành phản xạ giao tiếp các kỹ năng, nghe, nói, đọc, viết và dịch ở trình độ trung cấp; củng cố vốn từ vựng, các cấu trúc câu tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

### **30. Tiếng Trung Quốc 4**

Học phần Tiếng Trung Quốc 4 gồm 12 bài học cung cấp các kiến thức về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp có liên quan để thực hiện được các chủ đề giao tiếp trong học phần như: Chụp ảnh, hội họp, không khí, đám cưới người Trung Quốc, gọi món ăn, môn thể thao yêu thích, trải nghiệm trong cuộc sống, dự định trong tương lai, khả năng của bản thân. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp tương ứng với nội dung từng bài trong học phần. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, giúp hình thành phản xạ giao tiếp các kỹ năng, nghe, nói, đọc, viết và dịch ở trình độ trung cấp; củng cố vốn từ vựng, các cấu trúc câu tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

### **31. Tiếng Trung Quốc 5**

Học phần Tiếng Trung Quốc 5 gồm 13 bài học cung cấp các kiến thức về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp có liên quan để thực hiện được các chủ đề giao tiếp trong học phần như: Cuộc sống học tập xa nhà, ước mơ, thời tiết của bốn mùa, phong tục, văn hóa, quan điểm về các lĩnh vực tình yêu, hạnh phúc, những trải nghiệm của bản thân. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp tương ứng với nội dung từng bài trong học phần. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, giúp hình thành phản xạ giao tiếp các kỹ năng, nghe, nói, đọc, viết và dịch ở trình độ trung cấp; củng cố vốn từ vựng, các cấu trúc câu tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

### **32. Tiếng Trung Quốc 6**

Học phần Tiếng Trung Quốc 6 gồm 13 bài học cung cấp các kiến thức về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp có liên quan để thực hiện được các chủ đề giao tiếp trong học phần như: Địa vị xã hội và gia đình, trường học trên mạng, chỉ số cảm xúc, phong tục tập quán, văn hóa, quan điểm về các lĩnh vực tình yêu, hạnh phúc, những trải nghiệm của bản thân. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp tương ứng với nội dung từng bài trong học phần. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, giúp hình thành phản xạ giao

tiếp các kỹ năng, nghe, nói, đọc, viết và dịch ở trình độ trung cấp; củng cố vốn từ vựng, các cấu trúc câu tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

### **33. Kỹ năng nghe 1**

Học phần gồm 15 bài học, nội dung mỗi bài gồm các bài luyện nghe và nhiều loại bài tập nghe hiểu như: Bài tập luyện nghe và chọn đáp án đúng, bài tập luyện nghe và trả lời câu hỏi. Hệ thống bài tập phù hợp với trình độ nghe tiếng Hán của sinh viên. Trình bày được các từ, cấu trúc về các chủ điểm đời sống thường ngày như: Quan hệ hàng xóm, văn hóa tặng quà, hôn nhân, nuôi dạy con cái, vấn đề hút thuốc lá, quảng cáo, cách đặt tên của người Trung Quốc, bảo vệ môi trường...

### **34. Kỹ năng nghe 2**

Học phần gồm 15 bài học, nội dung mỗi bài gồm các bài luyện nghe và nhiều loại bài tập nghe hiểu như: Bài tập luyện nghe và chọn đáp án đúng, bài tập luyện nghe và trả lời câu hỏi. Hệ thống bài tập phù hợp với trình độ nghe tiếng Hán của sinh viên. Trình bày được các từ, cấu trúc về các chủ điểm đời sống thường ngày như: Đặt tên, đổi việc, đón năm mới, tình yêu của động vật, quảng cáo, cách dùng máy tính, bảo vệ môi trường, thời trang, đồ ăn Trung Quốc...

### **35. Kỹ năng nghe 3**

Học phần gồm 15 bài học, nội dung mỗi bài gồm các bài luyện nghe tin tức: Bài tập luyện nghe và chọn đáp án đúng, bài tập luyện nghe và trả lời câu hỏi. Hệ thống bài tập phù hợp với trình độ nghe tiếng Hán của sinh viên. Trình bày được các từ, cấu trúc về các chủ đề tin tức: Xã hội, kinh tế, giáo dục, sức khỏe, khoa học kỹ thuật, internet, văn hóa,...

### **36. Kỹ năng nói 1**

Học phần gồm 12 bài. Cấu trúc cơ bản của mỗi bài bao gồm: Bài khóa, từ mới, cấu trúc câu, cách biểu đạt câu và luyện tập. Học phần Khẩu ngữ 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, cách dùng từ, cấu trúc câu, cách biểu đạt câu theo các chủ đề, rèn kỹ năng nói theo các chủ đề: Làm quen, sức khỏe, mua sắm, trải nghiệm, du lịch, tình thân, cuộc sống hàng ngày...

### **37. Kỹ năng nói 2**

Học phần gồm 10 bài. Mỗi bài một chủ đề gồm 4 phần: Bài khóa, từ mới, chú thích và luyện tập. Nội dung có tính thực tiễn cao với những chủ đề có liên quan đến học tập, giao tiếp, cuộc sống thường ngày. Thông qua những bài khóa theo chủ đề trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách phát âm, từ và cấu trúc trọng điểm, cách biểu đạt câu ở trình độ trung cấp để ứng dụng trực tiếp trong giao tiếp tiếng Trung Quốc cơ bản với những chủ đề như: sự khác biệt về văn hóa, mối quan hệ giữa bố mẹ và con cái, mối quan hệ với hàng xóm, mối quan hệ vợ chồng,... và ứng dụng những kiến thức này để nâng cao hiệu quả tự học của sinh viên. Bên cạnh đó, học phần còn thể hiện được một số kinh nghiệm, phương pháp dạy học của các thế hệ nhà giáo thông qua hàng loạt những bài thực hành luyện tập. Từ đó khơi gợi, phát huy tinh thần tinh thần tự giác, chủ động sáng tạo trong dạy học của những nhà giáo trẻ tương lai.

### 38. Kỹ năng nói 3

Học phần gồm 10 bài. Mỗi bài một chủ đề gồm 4 phần: Bài khóa, chú thích, luyện tập và bài đọc bổ sung. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cách dùng từ, cấu trúc câu, cách biểu đạt câu theo các chủ đề, rèn kỹ năng nói theo các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như gia đình và xã hội; hôn nhân; giáo dục; lựa chọn giữa công việc và nghỉ ngơi; sự khác biệt của các thế hệ trong tứ đại đồng đường, con đường tiêu thụ của hàng ngoại và hàng nội, ý thức bảo vệ môi trường,...

### 39. Kỹ năng đọc hiểu 1

Học phần cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Chữ mới: Cung cấp những chữ Hán mới có liên quan đến chủ đề bài học.
- Chữ - từ - cụm từ: Cung cấp những chữ Hán, từ được tạo từ các chữ Hán, cụm từ được tạo từ các từ mới có liên quan đến chủ đề bài học.
- Bài khóa: Nội dung các bài đọc về các chủ đề trong lĩnh vực sinh hoạt hằng ngày: Thời tiết, các hoạt động hằng ngày, an toàn giao thông, hôn lễ, một số môn nghệ thuật, một số địa điểm của Trung Quốc như Bắc Kinh, Cáp Nhĩ Tân.
- Luyện tập: Hệ thống các bài tập trong học phần được thiết kế từ đơn giản đến phức tạp để củng cố kiến thức của bài học.

### 40. Kỹ năng đọc hiểu 2

Học phần gồm 14 bài. Mỗi bài tương ứng với một chủ đề mang tính chất thời sự và xã hội: Tình thân gia đình, tình làng nghĩa xóm, sự thú vị của tiếng Trung, cuộc đời của Lão Xá, bảo vệ môi trường... Đồng thời đều có cấu tạo gồm các phần lớn với bài đọc, hệ thống từ và hệ thống bài tập từ đơn giản đến phức tạp để củng cố kiến thức của bài học.

### 41. Kỹ năng đọc hiểu 3

Học phần gồm 14 bài. Mỗi bài tương ứng với một chủ đề mang tính chất thời sự và xã hội: Tình thân dân tộc, dưỡng lão, nghỉ ngơi giải trí, văn hóa trà, văn hóa ẩm thực, văn hóa rượu, phố cổ Bắc Kinh, các ngọn núi nổi tiếng của Trung Quốc, sự hấp dẫn của kinh kịch, tiêu dùng của người dân thành phố, mạng internet, vấn đề giảm béo... Đồng thời, các bài đọc đều có cấu tạo gồm các phần lớn với bài đọc, hệ thống từ và hệ thống bài tập từ đơn giản đến phức tạp để củng cố kiến thức của bài học.

### 42. Kỹ năng viết 1

Học phần cung cấp từ mới, hướng dẫn cách viết, cách dùng của từ mới và bài tập luyện viết về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày như: Viết giấy nhắn tin, giới thiệu bạn cùng phòng, đánh giá nhận xét đặc điểm của đồ vật, miêu tả thời tiết, kể về buổi sinh nhật, chuyến du lịch...

### 43. Kỹ năng viết 2

Học phần cung cấp từ mới, hướng dẫn cách viết, cách dùng của từ mới và bài tập luyện viết miêu tả cảm xúc, miêu tả quá trình phát sinh sự việc theo trình tự thời gian, không gian, viết thư, thông báo, đề nghị với các chủ đề: chuyến du lịch khó quên, nghề nghiệp lý tưởng, thành phố của tôi, giới thiệu về ngày lễ...

#### **44. Kỹ năng viết 3**

Học phần cung cấp từ mới, hướng dẫn cách viết, cách dùng của từ mới và bài tập luyện viết miêu tả, giới thiệu các mối quan hệ trong gia đình, giới thiệu bạn bè, một động vật, món ăn Trung Quốc, phân tích làm rõ nguyên nhân của sự việc từ nhiều khía cạnh khác nhau, trình bày quan điểm về một sự vật sự việc...

#### **45. Ngữ âm và văn tự tiếng Trung Quốc**

Học phần Ngữ âm và văn tự tiếng Trung Quốc gồm hai phần:

- Phần ngữ âm: Giới thiệu các kiến thức cơ bản ngữ âm tiếng Trung Quốc hiện đại, các khái niệm ngữ âm cơ bản như âm tố, âm vị, nguyên âm, phụ âm, thanh mẫu, vận mẫu, âm tiết; giới thiệu hệ thống thanh điệu, qui luật kết hợp thanh mẫu-vận mẫu-thanh điệu và các quy luật biến đổi thanh điệu trong tiếng Trung Quốc; hướng dẫn sinh viên cách viết phiên âm latin, phiên âm quốc tế, biết mô tả các âm để trên cơ sở đó có khả năng tự chỉnh âm.

- Phần văn tự: Các kiến thức cơ bản về Hán tự; nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của chữ Hán; đặc điểm, phương pháp cấu tạo chữ Hán.

#### **46. Từ vựng tiếng Trung Quốc**

Học phần Từ vựng tiếng Trung Quốc cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: Khái quát và cụ thể về đặc điểm, tính chất, cấu tạo và ý nghĩa của hệ thống từ vựng tiếng Trung Quốc hiện đại. Trên cơ sở giới thiệu khái quát sự hình thành và phát triển của từ vựng tiếng Hán, mối quan hệ giữa từ vựng và văn hóa. Đi sâu tìm hiểu kết cấu và ý nghĩa của từ như tính chất, cấu tạo của từ, nội dung ngữ nghĩa, đơn vị ngữ nghĩa và hiện tượng đa nghĩa của từ. Trên cơ sở đó đào sâu phân tích mối quan hệ giữa từ và từ, bao gồm mối quan hệ giữa các từ đồng nghĩa, phản nghĩa, đồng âm, đồng tố. Bên cạnh đó, học phần còn dành một chương quan trọng cho việc giới thiệu đặc điểm, kết cấu và nội dung ý nghĩa của Thực ngữ, bao gồm thành ngữ, quán ngữ, yết hậu ngữ và ngạn ngữ.

#### **47. Ngữ pháp tiếng Trung Quốc**

Học phần Ngữ pháp tiếng Trung Quốc cung cấp cho sinh viên những thức lý thuyết về ngữ pháp: Đơn vị, hình thức, ý nghĩa, hệ thống ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Hán hiện đại, từ và từ loại, hình thức tổ hợp của từ và kết cấu câu, câu và thành phần câu, loại câu và mô hình câu đơn và câu phức.

#### **48. Dịch nói**

- Học phần chia làm 2 chương dịch Việt- Hán, Hán - Việt, gồm 15 bài. Nội dung về các chủ đề văn hóa nghệ thuật, chính trị, khoa học, xã hội...

- Bên cạnh các bài viết và các đoạn video thực hành trên lớp, tài liệu có các bài tập tương tự theo các chủ đề thực hành để sinh viên thực hành ở nhà nâng cao khả năng phiên dịch tiếng Trung.

- Lựa chọn được từ ngữ và cấu trúc phù hợp bằng tiếng Việt và tiếng Trung thông qua các bài thực hành về các chủ đề như văn hóa, nghệ thuật, chính trị, khoa học, xã hội...

#### **49. Dịch viết**

Học phần Dịch viết thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên ngành, được xây dựng dành cho người học chuyên ngành sư phạm tiếng Trung Quốc. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về từ vựng chuyên ngành, cấu trúc câu trong biên dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt và ngược lại, trên cơ sở đó vận dụng được các kiến thức này dịch trong các lĩnh vực như chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, giáo dục, du lịch... rèn luyện kỹ năng phân tích các thành phần câu, từ đó dịch được các câu, các đoạn ngắn tiến tới dịch hoàn chỉnh một đoạn văn bản với các chủ đề khác nhau theo hình thức dịch song hành.

#### **50. Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc**

Đây là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành sư phạm tiếng Trung Quốc. Học phần giúp học viên nắm vững kiến thức đại cương về các khoa học ngôn ngữ và các khoa học sư phạm, đặc biệt là về phương pháp giảng dạy ngoại ngữ, mở rộng và cập nhật kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn giảng dạy tiếng Trung Quốc. Trong đó, tập trung trang bị cho người học nắm vững lý luận dạy học, phương pháp – kỹ năng giảng dạy ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chữ Hán và văn hóa. Đưa ra các tình huống, ngữ cảnh để người học xử lý tình huống sư phạm cũng như kỹ năng ứng dụng CNTT vào dạy học,...

#### **51. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên**

Học phần tập trung rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng sư phạm chung mà giáo viên môn học nào cũng cần có nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ dạy học, giáo dục học sinh và các công việc khác. Các buổi lên lớp chú trọng làm mẫu và hướng dẫn thực hành từng thao tác của mỗi kỹ năng. Tiêu chí đánh giá từng kỹ năng được trình bày cụ thể, công khai để sinh viên căn cứ vào đó tự luyện tập, đánh giá và điều chỉnh.

#### **52. Kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Trung Quốc**

Học phần Kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Trung Quốc trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy tiếng Trung Quốc. Học phần bao gồm 8 bài với những nội dung như sau: Các loại kiểm tra, đánh giá, cách thức ra đề kiểm tra cũng như trang bị cho người học kỹ năng ra đề dạng chủ quan và khách quan, ra đề gắn với nội dung giảng dạy tiếng Trung Quốc ở trường phổ thông bậc Trung học cơ sở và Trung học phổ thông, kỹ năng phân tích kết quả kiểm tra nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy.

#### **53. Thiết kế tài liệu giảng dạy tiếng Trung Quốc**

Học phần Thiết kế tài liệu giảng dạy tiếng Trung Quốc là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc. Học phần cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản liên quan đến thiết kế tài liệu giảng dạy như: cơ sở lý luận, vai trò, nguyên tắc, phương pháp thiết kế, phương pháp đánh giá tài liệu giảng dạy. Thông qua môn học người học sẽ được phát triển kỹ năng thu thập, xử lý thông tin; kỹ năng điều tra lấy số liệu; khả năng phân tích, đánh giá thông tin để từ đó có thể thiết kế được bài tập bổ trợ, đề thi trực tuyến, tài liệu giảng dạy dành cho các khóa học ngắn hạn phù hợp với đối tượng và trình độ đào tạo.

#### **54. Thực tập sư phạm 1**

Học phần Thực tập sư phạm 1 giúp sinh viên củng cố, hệ thống hóa những kiến thức, kỹ năng nền tảng chuyên ngành đã được học tập ở trường. Vận dụng các phương pháp giảng dạy, tổ chức lớp học, thiết kế giáo án, kỹ năng tâm lý giáo dục vào thực tế giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, tiếp cận với môi trường dạy học, rèn luyện khả năng giảng dạy, thuyết trình, ứng dụng công nghệ thông tin vào bài giảng, thái độ tự tin, chững chạc khi đứng trên bục giảng, đồng thời người học còn nhận thức được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp nâng cao tinh thần đạo đức nhà giáo.

### **55. Thực tập sư phạm 2**

Học phần Thực tập sư phạm 2 giúp sinh viên củng cố những kiến thức lý thuyết, kỹ năng đã được học tập ở trường, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, tiếp cận với môi trường làm việc, phương pháp giảng dạy, tổ chức lớp học, thiết kế giáo án, rèn luyện khả năng truyền đạt, ứng dụng công nghệ thông tin vào bài giảng, đứng lớp tự tin, và chịu trách nhiệm trong công việc.

### **56. Tiếng Trung thương mại**

Học phần gồm 14 bài, mỗi bài liệt kê các từ vựng liên quan đến nội dung học như: Hỏi giá, báo giá, trả giá, đặt hàng, phương thức đóng gói, hoa hồng, quy cách đóng gói, phương thức thanh toán, bảo hiểm, tố tụng và tranh chấp, ký hợp đồng, các câu giao tiếp trong mua bán để sinh viên áp dụng vào thực tế.

### **57. Tiếng Trung du lịch**

Học phần tiếng Trung du lịch gồm 10 bài. Cấu trúc cơ bản của mỗi bài bao gồm: Bài đọc, khẩu ngữ. Học phần hướng đến kiến thức chuyên ngành về những điểm du lịch: Việt Nam, Hà Nội, Vịnh Hạ Long, Thánh Địa Mỹ Sơn, Cố Đô Huế, Nha Trang, Thành Phố Hồ Chí Minh..., giúp sinh viên nắm được các cấu trúc câu sử dụng để giới thiệu các điểm du lịch, viết được bài thuyết minh giới thiệu các điểm du lịch.

### **58. Tiếng Trung khách sạn nhà hàng**

Học phần Tiếng Trung khách sạn nhà hàng gồm 8 bài. Cấu trúc cơ bản của mỗi bài bao gồm: Bài khóa, bài tập luyện kỹ năng nghe và kỹ năng nói. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các chủ đề: Đặt phòng khách sạn; thay đổi thông tin; làm thủ tục ở khách sạn; khiếu nại về các dịch vụ không/chưa tốt; đặt chỗ tại nhà hàng; ở sân bay, ga tàu, cửa khẩu v.v...

## **6.2. Đề cương chi tiết học phần (có phụ lục kèm theo)**

